

Số: 33/2025/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 28 tháng 10 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 7382/TTr-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

**2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo, các cơ sở giáo dục, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

## **Điều 2. Nội dung chi, mức chi**

1. Các nội dung, mức chi cụ thể tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

### **3. Mức áp dụng**

a) Áp dụng 100% mức chi cho 12 kỳ thi, cuộc thi, hội thi gồm: (1) Thi tốt nghiệp trung học phổ thông; (2) Thi tuyển sinh lớp 10; (3) Thi chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia; (4) Thi học sinh giỏi cấp quốc gia; (5) Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; (6) Cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh; (7) Hội thi Giáo dục Quốc phòng và An ninh cấp tỉnh, cấp quốc gia; (8) Hội thi giáo viên dạy giỏi (mầm non, phổ thông) cấp tỉnh; (9) Hội thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi phổ thông cấp tỉnh; (10) Cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp cấp tỉnh; (11) Thi cấp chứng chỉ tin học, ngoại ngữ; (12) Thi cuối khóa tiếng dân tộc thiểu số.

b) Áp dụng tối đa 80% mức chi cho 06 kỳ thi, cuộc thi, hội thi gồm: (1) Thi khảo sát chất lượng; (2) Thi đánh giá năng lực; (3) Thi thiết bị số; (4) Thi Robotics, Trí tuệ nhân tạo (AI); (5) Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; (6) Hội thi văn nghệ, thể dục, thể thao đối với giáo viên, học sinh và các kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cơ quan quản lý giáo dục hoặc cơ sở giáo dục tổ chức.

## **Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

## **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2025.

2. Các nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

b) Nghị quyết số 218/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình quy định nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

c) Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XIX, Kỳ họp chuyên đề thứ Ba thông qua ngày 28 tháng 10 năm 2025./.*

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, GD&ĐT;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- ĐU, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, TTDN<sup>9</sup>.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Đức Hình**

**PHỤ LỤC**  
**QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC KỲ THI,**  
**CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2025  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
<b>I</b>	<b>Chi tiền công cho các chức danh</b>		
1	Ban chỉ đạo thi/Ban tổ chức		
	a) Trưởng ban	Người/ngày	570.000
	b) Phó Trưởng ban thường trực	Người/ngày	520.000
	c) Phó Trưởng ban	Người/ngày	470.000
	d) Ủy viên, thư ký	Người/ngày	420.000
	đ) Nhân viên phục vụ	Người/ngày	210.000
2	Hội đồng thi		
	a) Chủ tịch	Người/ngày	530.000
	b) Phó Chủ tịch	Người/ngày	490.000
	c) Ủy viên, thư ký	Người/ngày	440.000
3	Hội đồng/Ban ra đề thi		
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	570.000
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	490.000
	c) Ủy viên, thư ký, giám sát, công an, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	400.000
	d) Ủy viên, thư ký, y tế, công an, nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	200.000
4	Hội đồng/Ban in sao đề thi		
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	500.000
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	440.000
	c) Ủy viên, thư ký, giám sát, công an làm việc cách ly	Người/ngày	390.000
	d) Ủy viên, thư ký, công an, y tế, nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	220.000
5	Ban/Tổ vận chuyển đề thi		
	a) Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	480.000
	b) Ủy viên, công an	Người/ngày	340.000

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
6	Ban Thư ký Hội đồng thi		
	a) Trưởng ban	Người/ngày	460.000
	b) Phó Trưởng ban	Người/ngày	400.000
	c) Ủy viên	Người/ngày	350.000
7	Hội đồng coi thi/Ban coi thi/Điểm thi		
	a) Chủ tịch/Trưởng ban/Trưởng điểm	Người/ngày	450.000
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban/Phó Trưởng điểm	Người/ngày	400.000
	c) Ủy viên, thư ký	Người/ngày	350.000
	d) Cán bộ coi thi, giám thị, giám sát, kỹ thuật viên; công an trực 24h/ngày	Người/ngày	340.000
	đ) Công an, bảo vệ, trật tự viên, kiểm soát viên, nhân viên y tế, phục vụ	Người/ngày	190.000
8	Ban/Tổ làm phách		
	a) Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	480.000
	b) Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	410.000
	c) Ủy viên, thư ký, giám sát, công an vòng trong	Người/ngày	350.000
	d) Nhân viên phục vụ, bảo vệ, y tế, công an vòng ngoài	Người/ngày	200.000
9	Hội đồng/Ban chấm thi, phúc khảo, thẩm định		
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	480.000
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	410.000
	c) Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, giám sát; công an trực 24h/ngày	Người/ngày	330.000
	d) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, y tế	Người/ngày	200.000
	đ) Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi	Người/đợt	240.000
<b>II</b>	<b>Tiền công ra đề thi</b>		
1	Xây dựng và phê duyệt cấu trúc, ma trận, bản đặc tả đề thi, đề tham khảo, đề minh họa		
	a) Chủ trì	Người/ngày	500.000
	b) Các thành viên	Người/ngày	390.000
2	Ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận kèm theo đáp án, biểu điểm	Đề	920.000

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
3	Chi tiền công cho cán bộ ra đề thi chính thức, dự bị kèm theo đáp án, biểu điểm	Người/ngày	820.000
<b>III</b>	<b>Tiền công chấm thi</b>		
1	Giám khảo/cán bộ chấm thi	Người/ngày	350.000
2	Giám khảo/cán bộ chấm thi chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia, thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Người/ngày	640.000
3	Giáo viên chấm thi, đánh giá hồ sơ, đề tài, dự án dự thi: thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh; thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp cấp tỉnh	Người/ngày	640.000
4	Chuyên gia, Giáo sư, tiến sĩ, giảng viên chấm thi, đánh giá hồ sơ, đề tài, dự án dự thi: thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh; thi Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp cấp tỉnh	Người/ngày	1.600.000
<b>IV</b>	<b>Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm</b>		
1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	a) Chủ trì	Người/ngày	570.000
	b) Các thành viên	Người/ngày	420.000
2	Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm		
	a) Chủ trì	Người/ngày	580.000
	b) Các thành viên	Người/ngày	440.000
<b>V</b>	<b>Chi giải khát giữa giờ</b>		
	Giải khát giữa giờ cho các thành viên (không làm nhiệm vụ cách ly) tham gia công tác coi thi, chấm thi, ra đề, in sao đề, làm phách	Người/buổi	20.000
<b>VI</b>	<b>Kiểm tra</b>		
1	Trưởng đoàn kiểm tra	Người/ngày	500.000
2	Phó Trưởng đoàn kiểm tra	Người/ngày	470.000
3	Thư ký, thành viên đoàn kiểm tra	Người/ngày	380.000